

nước không thể bao cấp mãi cho một tổ chức không có khả năng làm việc, không có đóng góp cho xã hội nhưng lại đều đặn hưởng các nguồn kinh phí từ ngân sách.

Thứ hai, tôi rất đồng tình với quan điểm thay đổi tư duy là không dễ, nhưng đây là việc đầu tiên phải thực hiện. Chỉ có đổi mới thường xuyên và sáng tạo mạnh mẽ mới giúp chúng ta tồn tại và phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay. Mặc dù tiếp cận và áp dụng cái mới cần thời gian để thích nghi, nhưng tôi tin đó không phải là vấn đề lớn đối với các tổ chức KH&CN công lập. Việc thực hiện Thông tư 121 có thể chỉ bỏ ngõ trong thời gian đầu, sau đó mọi việc sẽ đi vào nề nếp, các tổ chức KH&CN công lập sẽ quen với cách làm mới; các cơ quan chủ quản cũng như Bộ KH&CN luôn sẵn sàng hỗ trợ và tạo điều kiện để tổ chức KH&CN công lập thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng được giao. Cũng thông qua việc thực hiện Thông tư 121 sẽ giúp cơ quan quản lý sàng lọc, đánh giá được năng lực thực sự của các tổ chức KH&CN công lập, từ đó có giải pháp đầu tư đúng, hiệu quả, đồng thời có phương án sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức yếu kém. Điều mà chúng tôi kỳ vọng khi thực hiện Thông tư 121 là không chỉ giúp các cơ quan quản lý kiểm soát được hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập trực thuộc mà còn giúp việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước được đúng mục đích, hiệu quả. Các tổ chức KH&CN công lập phải không ngừng sáng tạo để khẳng định mình, phải có sản phẩm cho xã hội và thị trường, phải phát huy năng lực nội sinh để tồn tại và phát triển trong một môi trường năng động.

Xin cảm ơn ông.

Thực hiện: HH

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ VÀ ỨNG XỬ CỦA DOANH NGHIỆP

NGUYỄN HỮU CẢN

Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ

Độc quyền sáng chế (ĐQSC) là một loại tài sản trí tuệ có giá trị, tạo ra lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Tuy nhiên, so với các tài sản trí tuệ khác, bản chất và đặc điểm của ĐQSC có những đặc thù riêng, đòi hỏi các doanh nghiệp phải nắm vững để vận dụng, ứng xử phù hợp nhằm khai thác tối đa những lợi ích do ĐQSC mang lại, đồng thời hạn chế những rủi ro mà doanh nghiệp có thể gặp phải trong môi trường kinh doanh đầy năng động nhưng khắc nghiệt.

Đặc điểm của ĐQSC

ĐQSC là một loại tài sản trí tuệ của tổ chức, cá nhân được Nhà nước thừa nhận dưới hình thức cấp văn bằng bảo hộ¹ và cho phép tổ chức, cá nhân đó có quyền ngăn cấm bất kỳ người nào khác sử dụng sáng chế (SC) thuộc độc quyền nhằm mục đích thương mại mà không được phép của mình trong khoảng thời gian nhất định (thường là 20 năm). ĐQSC được Nhà nước thừa nhận bằng pháp luật về sở hữu trí tuệ, được Nhà nước bảo đảm thực thi bằng các biện pháp chế tài và hệ thống các cơ quan thực thi của Nhà nước.

Bản chất của ĐQSC là quyền ngăn cấm người khác sử dụng SC² nhằm mục đích thương mại mà không được phép của chủ sở hữu SC trong thời gian và lãnh thổ bảo hộ, và quyền thực hiện hành động pháp lý cần thiết (chẳng hạn khởi kiện tại tòa án) nhằm chống lại việc sử dụng nêu trên. Như vậy, sự tồn tại của ĐQSC khiến cho bất kỳ người nào muốn sử dụng SC nhằm mục đích thương mại đều phải xin phép chủ sở hữu SC,



Bằng ĐQSC giúp tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp

nếu không hành vi sử dụng bị coi là bất hợp pháp. Vì được hưởng độc quyền, chủ sở hữu SC có thể cho phép người khác sử dụng SC của mình dưới hình thức chuyển giao quyền sử dụng (li - xăng) hoặc chuyển giao quyền sở hữu (chuyển nhượng), thậm chí không cho phép bất cứ người nào sử dụng SC của mình ngay cả khi bản thân chủ sở hữu không sử dụng SC đó.

Về nguyên tắc, ĐQSC bao gồm quyền của chủ sở hữu cho phép người khác sử dụng SC của mình (quyền định đoạt) nhưng không đương nhiên bao gồm quyền sử dụng SC của chủ sở hữu SC³. Đồng thời, khác với quyền tài sản khác, mặc dù ĐQSC cũng bao gồm quyền chiếm hữu SC nhưng quyền này hầu như không có ý nghĩa và không cần thiết vì bản chất của SC là thông tin, do đó có thể lan truyền từ người này sang người khác, cùng một lúc và tại nhiều nơi có thể có nhiều người cùng chiếm hữu thông tin đó một cách độc lập với nhau nếu họ có đủ khả năng nhận thức và hiểu biết về thông tin đó.

ĐQSC không mang tính tuyệt đối mà chịu ràng buộc bởi một số điều kiện. Trong những điều kiện đó, người khác (không phải chủ sở hữu SC) có quyền sử dụng SC mà không bị coi là bất hợp pháp. Nói cách khác, ĐQSC có những giới hạn và hạn chế nhất định, cụ thể như sau:

Hạn chế về không gian (lãnh thổ): ĐQSC được pháp luật của nước/khu vực nào thừa nhận thì chỉ có hiệu lực pháp lý trong phạm vi lãnh thổ nước/khu vực đó; nói cách khác, một SC được bảo hộ ở nước/khu vực này thì không có nghĩa rằng chính SC đó cũng được bảo hộ ở nước/khu vực khác, văn bằng bảo hộ SC ở nước/khu vực này cũng không có giá trị xác nhận độc quyền đối với SC đó ở nước khác. Tuy nhiên, một khi ĐQSC được xác lập tại một nước thì có hiệu lực pháp

lý trong toàn bộ lãnh thổ nước đó, không có trường hợp nào mà chỉ có hiệu lực ở một địa phương (tỉnh, thành phố...) riêng lẻ của một nước.

Hạn chế về thời gian: ĐQSC chỉ tồn tại và có hiệu lực trong một thời hạn nhất định. Tùy theo pháp luật về SC của mỗi nước, thời hạn bảo hộ độc quyền đối với SC thông thường là 20 năm (bằng ĐQSC có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến hết 20 năm kể từ ngày nộp đơn đăng ký bảo hộ) hoặc 10 năm (bằng độc quyền giải pháp hữu ích - GPII có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến hết 10 năm kể từ ngày nộp đơn đăng ký bảo hộ). Chủ sở hữu SC chỉ được hưởng ĐQSC của mình trong thời hạn mà ĐQSC còn có hiệu lực; khi thời hạn đó kết thúc, ĐQSC tự động mất hiệu lực, SC tương ứng trở thành vô chủ hoặc thuộc về xã hội, bất kỳ người nào cũng có quyền sử dụng mà không bị ngăn cấm.

Hạn chế đối với quyền ngăn cấm: nói chung, chủ sở hữu SC không có quyền ngăn cấm người khác sử dụng SC nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân, nhằm mục đích phi thương mại hoặc nhằm mục đích đánh giá, phân tích, nghiên cứu, giảng dạy, thử nghiệm, sản xuất thử hoặc thu thập thông tin để thực hiện thủ tục xin phép sản xuất/nhập khẩu/lưu hành sản phẩm; hoặc không có quyền ngăn cấm người khác lưu thông, nhập khẩu, khai thác công dụng của sản phẩm được bảo hộ đã được đưa ra thị trường (kể cả thị trường nước ngoài) một cách hợp pháp (nghĩa là sản phẩm do chính chủ sở hữu, người được chuyển giao quyền sử dụng, kể cả theo quyết định bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền, người có quyền sử dụng trước SC đã đưa ra thị trường) - tức là khi ĐQSC đã được khai thác hết; hoặc sử dụng SC chỉ nhằm duy trì hoạt động của các phương tiện vận tải đang quá cảnh tại lãnh thổ nước bảo hộ. Những hạn chế này được coi là ngoại lệ của độc quyền ngăn cấm của chủ sở hữu SC.

Hạn chế bởi quyền của người sử dụng trước - tức là người mà trước ngày chủ sở hữu SC nộp đơn đăng ký bảo hộ SC đã tiến hành việc sử dụng SC tương ứng một cách độc lập (với chủ sở hữu SC) thì trong trường hợp này, kể cả khi SC được bảo hộ, người có quyền sử dụng trước vẫn được tiếp tục sử dụng SC đó mà không cần xin phép chủ sở hữu SC (nhưng không được mở rộng phạm vi, khối lượng sử dụng hoặc chuẩn bị để sử dụng so với tình trạng sử dụng trước ngày nộp đơn nêu trên), và chủ sở hữu SC cũng không được phép tiến hành các thủ tục

pháp lý nhằm ngăn cấm người sử dụng trước SC đó (chỉ trong trường hợp người sử dụng trước có mở rộng phạm vi hoặc khối lượng sử dụng thì chủ sở hữu SC mới có quyền yêu cầu xử lý nhưng chỉ áp dụng đối với phần mở rộng nêu trên).

Chủ sở hữu SC phải tuân thủ những nghĩa vụ khác do pháp luật ấn định; nếu không thực hiện các nghĩa vụ đó mà không có lý do chính đáng thì chủ sở hữu SC phải chịu những hậu quả pháp lý nhất định, như: nghĩa vụ bộc lộ SC trong đơn đăng ký bảo hộ một cách rõ ràng và đầy đủ để bất kỳ người nào cũng có khả năng tiếp cận và sử dụng SC. Việc bộc lộ SC như vậy được coi là nội dung bắt buộc của hệ thống đăng ký SC nhằm cân bằng quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu SC, tạo khả năng cho xã hội tiếp cận tri thức mới, trên cơ sở đó phát triển công nghệ mới cũng như thúc đẩy chuyển giao công nghệ và cân bằng lợi ích giữa chủ sở hữu SC với lợi ích của xã hội. Việc bộc lộ SC cho toàn xã hội là sự đánh đổi của chủ sở hữu SC để được hưởng ĐQSC; nghĩa vụ nộp lệ phí duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ để giữ cho ĐQSC có hiệu lực, chủ sở hữu SC phải nộp lệ phí duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ hàng năm với một mức ấn định trước cho cơ quan nhà nước. Nếu quá thời hạn cho phép mà khoản lệ phí nêu trên không được nộp thì văn bằng bảo hộ SC tự động mất hiệu lực, ĐQSC bị vô hiệu và SC trở thành của chung của xã hội; nghĩa vụ sử dụng SC phù hợp với các đòi hỏi đặc biệt của đất nước: pháp luật đòi hỏi chủ sở hữu SC phải sử dụng SC với mức độ phù hợp nếu đất nước có những đòi hỏi đặc biệt (chẳng hạn để chống lại tai họa của thiên nhiên, chống lại dịch bệnh, vì lợi ích an ninh - quốc phòng, trong tình huống khẩn cấp, hoặc SC là một bước tiến quan trọng về kỹ thuật và có ý nghĩa kinh tế lớn...); chủ sở hữu SC chỉ được người sử dụng trả khoản tiền đền bù theo một mức thỏa đáng; nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả SC nhằm bảo đảm quyền tài sản của tác giả đối với SC do mình tạo ra.

Nhà nước không mặc nhiên (tự động) bảo vệ ĐQSC: mặc dù Nhà nước cấp văn bằng bảo hộ SC và thừa nhận ĐQSC, nhưng về nguyên tắc, việc thực thi ĐQSC phụ thuộc vào quyết định của chủ sở hữu SC, cụ thể là chủ sở hữu SC chính là người chủ động theo dõi, kiểm tra, bảo vệ quyền của mình bằng cách yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi sử dụng trái phép SC của mình theo thủ tục hành chính, dân sự. Nếu chủ sở hữu SC không thực hiện việc tự bảo vệ một cách chủ

động như trên, thì sự bảo hộ của Nhà nước không có nhiều ý nghĩa, thậm chí hành vi xâm phạm độc quyền còn bị coi là được chủ sở hữu SC dung túng và cho phép tồn tại nên không thể bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Hơn nữa, ĐQSC được Nhà nước bảo hộ có khả năng bị hủy bỏ hoặc chấm dứt hiệu lực theo yêu cầu của người thứ ba nếu SC không còn xứng đáng được hưởng sự bảo hộ (chẳng hạn SC không đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn bảo hộ, chủ sở hữu SC không có quyền đăng ký SC, chủ sở hữu SC từ bỏ ĐQSC...); khả năng nêu trên có thể xảy ra trong chính quá trình thực thi ĐQSC theo các thủ tục hành chính, dân sự, tức là ĐQSC được Nhà nước cấp nhưng không mang tính bất biến và vĩnh viễn.

Bên cạnh các đặc điểm về nội dung và hạn chế nêu trên, ĐQSC còn có đặc điểm quan trọng là có mối quan hệ trực tiếp và chặt chẽ với cạnh tranh trong hệ thống pháp luật cũng như thực tiễn của nền kinh tế thị trường. ĐQSC là động lực tồn tại của thị trường độc quyền và doanh nghiệp độc quyền, nhưng việc lạm dụng độc quyền một cách thái quá sẽ hạn chế người tiêu dùng tiếp cận sản phẩm/dịch vụ thuộc độc quyền và gây nên những tác động tiêu cực tới xã hội, vì thế việc Nhà nước thừa nhận và bảo hộ ĐQSC luôn kèm theo các công cụ quản lý cần thiết để ngăn chặn những tác động nêu trên do hậu quả hạn chế cạnh tranh, quan trọng nhất là hệ thống pháp luật về cạnh tranh và các cơ quan thi hành pháp luật về cạnh tranh.

Ứng xử của doanh nghiệp đối với ĐQSC

Qua thống kê tình hình xác lập ĐQSC ở Việt Nam giai đoạn 2005-2013, có thể thấy rằng số lượng văn bằng bảo hộ SC được cấp tại Việt Nam có xu hướng tăng dần, trong đó bằng ĐQSC chiếm tỷ trọng lớn ($\approx 91,6\%$ tổng số văn bằng bảo hộ SC). Trong tổng số bằng ĐQSC được cấp, người Việt Nam chỉ chiếm khoảng 4,8% (còn lại là của người nước ngoài); ngược lại, trong tổng số bằng độc quyền GPIH được cấp, người Việt Nam chiếm khoảng 64,1% (số còn lại là của người nước ngoài). Nhìn chung, văn bằng bảo hộ SC của người Việt Nam chỉ chiếm khoảng 9,6% tổng số văn bằng bảo hộ SC trong giai đoạn 2005-2013⁴.

Chủ thể Việt Nam được cấp văn bằng bảo hộ SC chủ yếu là các doanh nghiệp và cá nhân (chiếm 86% tổng số văn bằng bảo hộ SC của người Việt

Nam), còn lại là các chủ thể khác (viện nghiên cứu, trường đại học... chiếm 14%). Văn bằng bảo hộ SC của người Việt Nam chủ yếu được cấp trong các lĩnh vực công nghệ đáp ứng các nhu cầu của đời sống con người (30%), quy trình công nghệ và giao thông vận tải (20%), hóa học và luyện kim (17%), công trình xây dựng cố định (13%); các lĩnh vực khác (cơ khí, chiếu sáng, cấp nhiệt, vũ khí, kỹ thuật nổ, dệt, giấy, vật lý, điện) chỉ chiếm 20%. Như vậy, trong thực tế ĐQSC của Việt Nam phần lớn thuộc về các doanh nghiệp hoặc doanh nhân. Vì cơ chế bảo hộ ĐQSC được thiết lập nhằm điều chỉnh các quan hệ nảy sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong đó các doanh nghiệp lại là chủ thể trực tiếp, nên có thể nhận định rằng, cơ chế bảo hộ ĐQSC trước hết nhằm phục vụ các doanh nghiệp; nói cách khác, doanh nghiệp là chủ thể quan trọng nhất của hoạt động bảo hộ ĐQSC.

Mặc dù trong các văn bản pháp luật hiện hành về sở hữu trí tuệ không có một quy định nào bắt buộc các doanh nghiệp phải đăng ký bảo hộ ĐQSC, xu hướng đơn đăng ký SC của người Việt Nam tăng dần như trên đã cho thấy các doanh nghiệp ngày càng quan tâm hơn tới lợi ích của việc bảo hộ ĐQSC - một loại tài sản trí tuệ thực sự có giá trị, tạo ra những lợi ích tiềm tàng đối với việc thúc đẩy năng lực cạnh tranh và phát triển của doanh nghiệp. Trong bối cảnh cạnh tranh thị trường ngày càng khốc liệt, để đáp ứng những nhu cầu nhất định của xã hội, việc tạo ra các giải pháp công nghệ mới đạt trình độ SC sẽ giúp doanh nghiệp có được những hàng hoá có hàm lượng trí tuệ cao và có uy tín nhờ chất lượng. Để khai thác, phát huy một cách đầy đủ, tích cực những lợi ích do ĐQSC mang lại, doanh nghiệp cần lưu ý một số vấn đề sau đây trong chiến lược kinh doanh của mình:

Trước hết, do số lượng SC được bảo hộ tăng lên đáng kể trong khoảng 10 năm gần đây, nên có thể thấy rằng cơ chế bảo hộ ĐQSC ngày càng trở nên quen thuộc đối với các chủ thể ở Việt Nam và được các chủ thể này tăng cường khai thác, nhưng mặt khác hoạt động sản xuất, kinh doanh của hầu hết doanh nghiệp cũng được đặt trong môi trường có nhiều ĐQSC được bảo hộ. Trong tình hình như vậy, ý thức tôn trọng ĐQSC và không xâm phạm ĐQSC của chủ thể khác để tránh những hậu quả đáng tiếc cần phải được nâng cao và dần trở thành nghĩa vụ của mỗi doanh nghiệp. Mặt khác, chính doanh nghiệp cũng phải là người chủ động theo dõi, kiểm

tra, bảo vệ độc quyền của mình bằng cách yêu cầu người có hành vi sử dụng trái phép SC của mình chấm dứt hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại, yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo thủ tục hành chính, dân sự để phòng ngừa và ngăn chặn hành vi xâm phạm.

Mặc dù ĐQSC có khả năng mang lại nhiều lợi thế cho doanh nghiệp, nhưng trước khi được Nhà nước xác lập độc quyền, doanh nghiệp phải chấp nhận đánh đổi bằng việc phải bộc lộ đầy đủ và rõ ràng bản chất của SC cho toàn xã hội. Một mặt, việc bộc lộ như vậy góp phần tạo ra những nền tảng kỹ thuật để đối thủ cạnh tranh tiếp tục cải tiến, phát triển SC và có thể hưởng độc quyền đối với SC mới được tạo ra trên nền tảng đó. Mặt khác, việc bộc lộ SC cần được xem xét một cách cẩn trọng trong mối tương quan lợi ích với việc giữ SC trong vòng bảo mật, nghĩa là không đăng ký SC để hưởng độc quyền đối với bí quyết kỹ thuật là SC. Việc bảo mật SC mặc dù tạo vị thế độc quyền cho doanh nghiệp nhưng cũng tiềm ẩn những rủi ro nếu đối thủ cạnh tranh tạo ra SC đó một cách độc lập và nhanh chóng đăng ký SC trước để hưởng độc quyền, khi đó việc bảo mật SC không còn ý nghĩa và việc tiếp tục sử dụng SC sẽ bị giới hạn. Thậm chí, đối thủ cạnh tranh có thể nộp đơn đăng ký SC chỉ nhằm mục đích bộc lộ công khai SC đó cho công chúng, làm cho SC bị mất tính mới, do đó làm suy giảm giá trị kinh tế của SC. Tóm lại, doanh nghiệp cần phân tích kỹ lưỡng lợi ích - rủi ro của việc nộp đơn đăng ký SC, việc công bố hoặc giữ bảo mật SC phù hợp với mục tiêu và chiến lược kinh doanh của mình.

Khi doanh nghiệp được cấp văn bằng bảo hộ SC, nghĩa là được hưởng độc quyền hợp pháp đối với SC đó, thì hoàn toàn không có nghĩa là doanh nghiệp được tùy ý sử dụng SC được bảo hộ. Doanh nghiệp cần lưu ý rằng, bản chất của ĐQSC là quyền ngăn cấm người khác sử dụng SC của mình, bao hàm quyền cho phép người khác sử dụng SC đó. ĐQSC không tạo ra khả năng sử dụng SC một cách đương nhiên, đặc biệt là khi SC được phát triển từ một SC đã biết. Nếu SC đã biết đó đang thuộc độc quyền của người khác, thì khi muốn sử dụng SC thuộc sở hữu của mình, doanh nghiệp phải xin phép chủ sở hữu SC đã biết; nếu không được phép thì việc sử dụng SC của doanh nghiệp bị coi là bất hợp pháp và doanh nghiệp phải bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm ĐQSC đã biết của người khác. Vì vậy, việc được Nhà nước cấp văn bằng bảo hộ SC

có ý nghĩa khẳng định vị thế độc quyền của doanh nghiệp trong việc ngăn cấm đối thủ cạnh tranh gia nhập thị trường, nhưng không hẳn có ý nghĩa doanh nghiệp thống lĩnh toàn bộ thị trường đó.

SC được bảo hộ của doanh nghiệp có thể là SC cơ bản hoặc là SC thiết yếu có ý nghĩa thiết lập tiêu chuẩn kỹ thuật của một ngành công nghiệp hoặc một lĩnh vực công nghệ. SC cơ bản đó có thể kèm theo nhiều SC phụ thuộc là kết quả của quá trình nghiên cứu, phát triển, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ. Điều cần lưu ý trong trường hợp này là, nếu như doanh nghiệp không nhanh chóng xác lập độc quyền đối với các SC phụ thuộc ngay khi được tạo ra từ quá trình nêu trên, thì có khả năng những SC phụ thuộc đó sẽ bị mất vào tay của những đối thủ cạnh tranh, khi đó hiển nhiên thị phần của doanh nghiệp sẽ bị thu hẹp dần, doanh nghiệp sẽ ngày càng mất khả năng kiểm soát sự phát triển của SC và do đó mất dần lợi thế cạnh tranh trên thị trường;

Trong điều kiện hiện tại ở Việt Nam, hầu hết các SC công nghệ đạt trình độ sáng tạo cao đều nằm trong tay nước ngoài. Số lượng đơn đăng ký SC của người Việt Nam cũng như số lượng văn bằng bảo hộ SC cấp cho người Việt Nam chiếm tỷ trọng rất thấp. Số lượng đơn đăng ký SC của người Việt Nam nộp ra nước ngoài không đáng kể so với đơn đăng ký SC của người nước ngoài nộp vào Việt Nam. Vì thế, dường như trong các sản phẩm/công nghệ được bảo hộ ĐQSC tại Việt Nam, hầu hết đều được tạo ra ở nước ngoài, thuộc quyền kiểm soát của nước ngoài và việc sử dụng, nhập khẩu vào Việt Nam các sản phẩm/công nghệ đó cũng bị khống chế bởi độc quyền của chủ sở hữu SC cũng là nước ngoài. Do đó, dường như có sự bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp vừa và nhỏ, giữa nền kinh tế lớn với nền kinh tế nhỏ: các chủ thể Việt Nam không có nhiều cơ hội sử dụng cơ chế bảo hộ ĐQSC của các nước khác trong khi cơ chế này của Việt Nam lại được các chủ thể nước ngoài khai thác với cơ hội lớn hơn rất nhiều. Bối cảnh đó đặt các doanh nghiệp Việt Nam vào một môi trường pháp lý nhiều ràng buộc phức tạp và phải chi phí tốn kém cho việc sử dụng cơ chế bảo hộ ĐQSC. Năng lực tài chính hạn hẹp, trình độ công nghệ còn hạn chế của các doanh nghiệp Việt Nam thực sự là một rào cản lớn cho việc hưởng lợi từ cơ chế bảo hộ ĐQSC, kể cả việc theo đuổi các vụ kiện tụng để bảo vệ độc quyền của mình. Tất cả những điều đó dường như tạo thêm một gánh nặng hoặc rào cản đối với

những nỗ lực thâm nhập thị trường, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp mới, quy mô nhỏ và vừa. Vì vậy, tốt hơn hết là doanh nghiệp cần phải chủ động dành riêng những chi phí nhất định từ nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ hoặc nguồn khác để vượt qua những thách thức, rủi ro nêu trên.

Tóm lại, ĐQSC tồn tại và được Nhà nước bảo hộ là một tất yếu khách quan, là một trong những chỉ tiêu quan trọng đánh giá trình độ công nghệ và năng lực nội sinh của mỗi doanh nghiệp, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế, là một trong những chỉ báo về xu hướng chuyển giao công nghệ, đầu tư phát triển, về thu nhập, công ăn việc làm, tiêu dùng... và sự tăng trưởng kinh tế. Để khai thác tối đa những lợi ích do ĐQSC mang lại, mỗi doanh nghiệp cần phải nắm vững bản chất và đặc điểm của ĐQSC để có những chiến lược và chiến thuật kinh doanh phù hợp, đạt hiệu quả kinh tế cao một cách bền vững.

¹Văn bằng bảo hộ SC có thể là bằng ĐQSC, bằng độc quyền GPII.

²Thông thường, những hành vi sau đây được coi là hành vi sử dụng SC: sản xuất sản phẩm được bảo hộ; áp dụng quy trình được bảo hộ; khai thác công dụng của sản phẩm được bảo hộ hoặc sản phẩm được sản xuất theo quy trình được bảo hộ; lưu thông (bao gồm bán, trưng bày để bán, vận chuyển), quảng cáo, chào hàng, tàng trữ để lưu thông, nhập khẩu sản phẩm được bảo hộ hoặc sản phẩm được sản xuất theo quy trình được bảo hộ.

³Sở dĩ như vậy vì lý do như sau: SC A được bảo hộ gồm tập hợp có hai đặc điểm kỹ thuật cơ bản là {a; b}; SC B được bảo hộ vì có ba đặc điểm kỹ thuật cơ bản là {a; b; c}, trong đó a và b là hai đặc điểm cơ bản đã biết (thuộc tình trạng kỹ thuật), còn c là đặc điểm mới, sáng tạo. Như vậy, SC B được tạo ra trên cơ sở cải tiến, phát triển SC A (nói cách khác, SC B thuộc phạm vi bảo hộ của SC A). Theo pháp luật về SC, chủ sở hữu SC B có độc quyền ngăn cấm bất kỳ ai sử dụng SC B chứa tập hợp {a; b; c}, nhưng không đương nhiên có quyền sử dụng SC B, vì nếu muốn sử dụng SC B thì phải được phép của chủ sở hữu SC A (nếu chủ sở hữu SC B sử dụng SC B mà không được phép của chủ sở hữu SC A thì hành vi sử dụng SC B là bất hợp pháp).

⁴ Cục Sở hữu trí tuệ (2014), *Báo cáo thường niên hoạt động sở hữu trí tuệ 2013*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội)